

Bản án số: 86/2018/DS-PT  
Ngày: 25.9.2018  
V/v “ Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung  
và tranh chấp quyền sử dụng đất ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ Tọa phiên Tòa:* Bà Lê Thị Thái Lan

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Phi Đô

Bà Đặng Thị Thu Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Bà Trần Thị Thu Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 09 năm 2017 về “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sn: 1953, trú tại: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Hùng Thị L, trú tại: KP. L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

*Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn K, sn: 1945, trú tại: KP.L, P.X, TX.S, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Nguyễn Thị T, trú tại KP.L, P.X, TX.S, tỉnh Phú Yên.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân thị xã S: Ông Lương Công T, đại diện theo ủy quyền.

2/ Ông Hồ Viết T và bà Nguyễn Thị Kim O

3/ Bà Nguyễn Thị Y.

Đồng trú tại KP.L, P.X, TX.S, tỉnh Phú Yên.

4/ Võ Duy D, trú tại C, P.X, TX.S, Phú Yên.

5/ Bà Nguyễn Thị B.  
6/ Ông Nguyễn A.  
Đều trú tại KP.D, P.X, TX.S, Phú Yên.  
7/ Võ Thị C.  
8/ Nguyễn Thị N.  
09/ Nguyễn Thị L, (người giám hộ cho bà L là Võ Thị C)  
10/ Ông Nguyễn L.  
11/ V/c ông Hà Minh H.  
12/ Nguyễn Văn L.  
13/ Nguyễn N.  
14/ Ông Lê Đ.  
15/ Nguyễn Thị Kim T.  
16/ V/c Nguyễn Thị S, ông Hồ Khắc M.  
17/ Bà Đặng Thị V.  
18/ Nguyễn Thị Bạch L.  
19/ Nguyễn Thị Song N.  
20/ Nguyễn Thị Hồng N.  
21/ Ông Nguyễn Văn C.  
22/ V/c ông Nguyễn Văn L.  
Đều trú tại KP.L, P.X, TX.S, tỉnh Phú Yên.  
23/ Nguyễn Thị P, trú tại Phương L, X, TX.S, Phú Yên.  
24/ Nguyễn Thị T.  
25/ Nguyễn Thị L.  
Đều trú tại KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.  
26/ Nguyễn Thị N, trú tại P, X, TX.S, Phú Yên.  
27/ Đặng Thị V.  
28/ Nguyễn Thị P.  
29/ Nguyễn Ngọc T.  
30/ Nguyễn Ngọc H.  
Người giám hộ cho ông T và ông H là ông Nguyễn Ngọc H.  
31/ Nguyễn Ngọc H.  
32/ Nguyễn L.  
Đều trú tại KP.L, P.X, TX.S, tỉnh Phú Yên.  
33/ Nguyễn Thị H, trú tại KP.P, P.X, TX.S, Phú Yên.  
34/ Nguyễn Thị Út H, trú tại T, X, TX.S, Phú Yên.  
35/ Nguyễn Thị H, trú tại B, X, TX.S, Phú Yên.  
36/ Nguyễn T, trú tại KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và Người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Đối với tranh chấp “Yêu cầu chia tài sản chung” giữa nguyên đơn Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn K.**

*- Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2012, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày.*

Trước đây ông bà có của nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị L có tạo lập tài sản gồm thửa đất có diện tích 6.517m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế).

Vị trí:

- + Đông giáp: Biển, dài 620m
- + Tây giáp: Đường P, dài 55m .
- + Nam giáp: Đất N, dài 119m.
- + Bắc giáp: Đất ông Đào T, dài 101m.

Tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Cụ Nguyễn Văn Đ và Trần Thị L, sinh được 3 người con là Nguyễn Đ, N và Nguyễn T. Ông Nguyễn K thuộc phái Nhất (Nguyễn Đ); bà Nguyễn Thị T thuộc phái ba (Nguyễn T). Cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Trần Thị L đều chết trước năm 1975, có lập di chúc. Nội dung di chúc giao cho cháu nội đích tôn Nguyễn H toàn bộ diện tích 6.517m<sup>2</sup> đất nêu trên để sử dụng vào việc thờ cúng ông bà ( Hương hỏa). Khi Nguyễn H chết, con trai là Nguyễn T quản lý, ông Nguyễn T chết thì ông Nguyễn K ( Con trai trưởng của Nguyễn T ) tiếp tục quản lý và thờ cúng ông bà, nhưng ông K đã không làm tròn trách nhiệm của người đại diện quản lý tài sản của họ Nguyễn, mà có hành vi tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có trách nhiệm trong việc quản lý đất, để cho một số người trong họ sử dụng đất không thông qua ý kiến của tộc họ Nguyễn.

Ngoài ra vào năm 2010, nhà nước có thu hồi một phần diện tích đất gồm 1.007,5m<sup>2</sup> và bồi thường số tiền là 170.000.000đ, ông Nguyễn K đã nhận khoản tiền bồi thường, nên diện tích đất chỉ còn 5.509,5m<sup>2</sup>.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu chia tài sản chung như sau: Chia diện tích 5.509,5m<sup>2</sup> làm 3 phần bằng nhau cho 3 phái (phái Nhất: ông Nguyễn Đ, phái Nhì: ông N, phái Ba: ông Nguyễn T).

Phần mỗi phái giao cho người đại diện nhận. Cụ thể: phần chia cho phái thứ Nhất (Nguyễn Đ) do ông Nguyễn K đại diện nhận; phần thứ 2 gồm các con cháu của N là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Song N, Nguyễn Văn C đại diện nhận; phần thứ 3 gồm thừa kế của Nguyễn T là Nguyễn Thị T đại diện nhận. Riêng số tiền 170.000.000đ được nhà nước bồi thường đất bị thu hồi, bà T không yêu cầu chia. Ngoài ra bà T còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hồ Viết T, Hùng Thị L, Nguyễn Thị B.

*Trong bản tự khai ngày 17/09/2013, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên Tòa, bị đơn là ông Nguyễn K, trình bày:*

Ông Nguyễn K thống nhất với lời khai của bà T về quan hệ huyết thống; thời gian mất của cụ Đ, cụ L; tài sản của cụ Đ, cụ L để lại gồm 6.517m<sup>2</sup>. Ông K không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung vì cho rằng: Căn cứ vào bản “chức ngôn quân phân điền sản” do cụ Trần Thị L lập ngày 04 tháng 04 năm Duy Tân thứ 10 thì diện tích đất này đã được giao cho Nguyễn H quản lý để thờ cúng ông, bà ( gọi là đất hương hỏa). Ông Nguyễn H qua đời thì Nguyễn T tiếp tục quản lý, việc quản lý đất hương hỏa được kế thừa từ đời

này sang đời khác, cho đến nay ông Nguyễn K là người trực tiếp quản lý đất và có trách nhiệm thờ cúng ông bà. Do đó, đất này thuộc đất hương hỏa không được chia. Hiện nay bà Nguyễn Thị T đang ở nhờ trên đất của tộc họ Nguyễn, ông K có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà T phải trả lại toàn bộ diện tích đất hiện bà đang ở để ông K quản lý.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/11/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND thị xã S:*

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trước đây UBND thị xã S đã cấp cho bà Hùng Thị L; vợ chồng Hồ Viết T – Nguyễn Thị Kim O; Nguyễn Thị B. UBND thị xã S căn cứ vào hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B; hợp đồng mua bán giữa bà B với ông Trần Quang T đối với thửa đất 66-1, tờ 18-ĐC II; DT 55,59m<sup>2</sup>, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên. Xét thấy hồ sơ có đầy đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nên UBND thị xã S đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB106796, cấp ngày 07/07/2005 cho bà Nguyễn Thị B.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hùng Thị L; UBND thị xã căn cứ đơn xin đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Xét thấy do có sự điều chỉnh hành lang đường bộ (Quốc lộ 1A) theo quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Phú Yên, nên đất của bà L có sự biến động tăng thêm (từ 70,55m<sup>2</sup> lên 90,55m<sup>2</sup>). Do đó UBND thị xã S đã cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 761071, cấp ngày 30/11/2009 cho bà Hùng Thị L tại thửa số 66-3, tờ 18-ĐC II, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Hồ Viết T bà Nguyễn Thị Kim O UBND thị xã S căn cứ vào giấy tờ về quyền sử dụng đất của ông Trần Quang T; căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Quang T với vợ chồng Hồ Viết T bà Nguyễn Thị Kim O lập ngày 26/07/2004. Xét thấy đất có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật, nên UBND huyện S (nay là thị xã S) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Hồ Viết T và bà Nguyễn Thị Kim O số AB 106924, cấp ngày 07/07/2005 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, UBND thị xã S đề nghị Tòa án bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị T V/v yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hùng Thị L; vợ chồng ông Hồ Viết T bà Nguyễn Thị Kim O; bà Nguyễn Thị B.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Song N, Nguyễn Thị Bạch L, Nguyễn Thị Hồng N đều thống nhất trình bày:*

Về nguồn gốc đất như nguyên đơn trình bày là đúng. Thống nhất như ý kiến của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm:* Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Kim T, Võ Duy D, Nguyễn N, Nguyễn Thị V, Nguyễn A, Nguyễn L, Nguyễn T và Đặng Thị V đều thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung.

*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập gồm:* Nguyễn Thị S, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Hùng Thị L, đều thống nhất trình bày: không yêu cầu chia tài sản chung; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có liên quan, cụ thể:

- + Hùng Thị L yêu cầu công nhận diện tích 90,55m<sup>2</sup>
- + Nguyễn Thị S yêu cầu công nhận diện tích 49,2m<sup>2</sup>
- + Võ Thị C yêu cầu công nhận diện tích 70,2m<sup>2</sup>
- + Nguyễn Thị B yêu cầu công nhận diện tích 55,59m<sup>2</sup>

**2. Đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Hùng Thị L và bị đơn bà Nguyễn Thị T:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 16/03/2010, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Hùng Thị L trình bày:*

Vào năm 2003, bà Hùng Thị L cùng với bà Nguyễn Thị B có mua chung một ngôi nhà gắn quyền sử dụng đất 163,50m<sup>2</sup> của vợ chồng ông Trần Quang T và bà Lưu Thị L, xung quanh có hàng rào kẽm gai bao bọc, thuộc thửa đất 66-3, tờ bản đồ ĐC II đã được UBND tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T bà L vào năm 2002; tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên, sau đó bà L bà B tự phân chia, phần đất của bà L nằm hướng Nam. Cũng năm 2003, bà L thuê nhân công tháo dỡ hàng rào kẽm gai xây lại tường rào bằng lưới thép B40. Khi bà L xây tường ở phía Đông, sát móng nhà bà T, thì gia đình bà T cản trở cho rằng: phần đất hướng đông của bà L cách móng nhà của bà T 0,6m là đất của gia đình bà T. Do đó hai bên xảy ra tranh chấp. Bà L không thể tiếp tục xây dựng được; ngày 31/12/2015, bà Hùng Thị L đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích 90,55m<sup>2</sup> cho ông Hà Minh H.

Đến ngày 26/08/2016, bà Hùng Thị L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, vì không còn liên quan đến thửa đất tranh chấp nữa.

*Tại văn bản trình bày ngày 22/04/2010, các lời khai bổ sung cũng như tại phiên Tòa, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Khẳng định diện tích đất 5,16m<sup>2</sup> mà bà L đang tranh chấp với bà T là của gia đình bà T quản lý, sử dụng từ năm 1965 cho đến nay; bà L mua lại đất của vợ chồng ông T- bà L nguyên là đất của tộc họ Nguyễn, hiện nay ông Nguyễn K là người trực tiếp quản lý. Trước đây ông L là người trong tộc họ xây dựng nhà ở, xung quanh đều có hàng rào kẽm gai bao bọc, trong đó hàng rào phía Đông cách móng nhà bà T 0,6m hiện tại còn cọc sắt. Ông L bán cho vợ chồng ông L bà H; tiếp đó vợ chồng ông L bà H bán lại cho vợ chồng ông T bà L; rồi vợ chồng ông T bán lại cho bà B, bà L hoàn toàn không thay đổi gì về hiện trạng đất cũng như hàng rào kẽm gai. Năm 2003, bà L tháo dỡ hàng rào kẽm gai để xây dựng tường rào, không chừa lại 0,6m sau nhà bà T. Vì vậy, bà T có đơn yêu cầu phản tố: yêu cầu công nhận cho bà T diện tích 5,16m<sup>2</sup> ( 8,6m X 0,6m), thửa số 66-3, tờ 18 ĐC II tọa lạc KP.L, P.X, Tx.S, Phú Yên (phần có tranh chấp với bà L).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/03/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hà Minh H trình bày:*

Vào ngày 31/12/2015, ông Hà Minh H có nhận chuyển nhượng của bà Hùng Thị L một thửa đất diện tích 90,55m<sup>2</sup>, tại thửa 66-3, tờ 18 ĐC II, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên. Khi nhận chuyển nhượng, ông H có biết phần diện tích 5,16m<sup>2</sup> giáp nhà bà T đang có tranh chấp, nhưng bà L nói chưa phần diện tích tranh chấp đó ra là xong, nên ông H vẫn tiếp tục nhận chuyển nhượng phần diện tích 85,39m<sup>2</sup> còn lại không có tranh chấp. Nay ông H chỉ yêu cầu công nhận diện tích đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của bà L là 85,39m<sup>2</sup>. Riêng phần diện tích 5,16m<sup>2</sup> đang tranh chấp giữa bà T và bà L ông H không yêu cầu công nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/DS-ST ngày 17.7.2017 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng Điều 214; Điều 215; Điều 645 Bộ luật dân sự 2005, Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và Điều 26 Luật đất đai năm 2013; pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu chia tài sản chung gồm diện tích đất: 5.509,5m<sup>2</sup>, tại các thửa 96; 97; 98; 103; 105; 106; 107; 108; 111; 112; 120; 121; 122, tờ 24, có vị trí: Đông giáp biển, dài 620m; Tây giáp đường P, dài 55m; Nam giáp đất N, dài 119m; Bắc giáp đất Đào T, dài 101m, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị T V/v yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Hùng Thị L, Nguyễn Thị B, Hồ Viết T tại các thửa 66-1, diện tích 55,59m<sup>2</sup>; thửa 66-2, diện tích 36,7m<sup>2</sup>; thửa 66-3, diện tích 90,55m<sup>2</sup>; tờ bản đồ số 18 ĐCII, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả lại diện tích 76m<sup>2</sup> đất đang có nhà của bà T đang ở.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hùng Thị L đòi công nhận diện tích 3,44m<sup>2</sup>, thửa 66-3, tờ bản đồ số 18 ĐCII, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Bác yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T về yêu cầu công nhận diện tích 5,16m<sup>2</sup>, thửa 66-3 tờ 18 tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hà Minh H đối với diện tích 85,39m<sup>2</sup>, thửa 66-3 tờ 18, gần vị trí: Đông giáp đất tộc họ Nguyễn (cách móng nhà bà T 0,6m); tây giáp đường P; nam giáp lối đi; bắc giáp đất Hồ Viết T, bà Thoa, tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B đối với diện tích 55,59m<sup>2</sup> thửa 66-1, tờ 18, vị trí ( có sơ đồ kèm theo), tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Viết T đối với diện tích 36,7m<sup>2</sup> thửa 66-2, tờ 18, vị trí ( có sơ đồ kèm theo), tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn K cho các ông bà Đặng Thị V, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L, vợ chồng bà Nguyễn Thị S, Hồ Khắc M, Võ Thị C, Lê Đ, Nguyễn N, Võ Duy D được tiếp tục ở nhờ trên đất họ Nguyễn đối với diện tích đang sử dụng ( Có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị T diện tích 5,16m<sup>2</sup>, thửa 66-3, tờ 18, vị trí: đông giáp móng nhà bà Nguyễn Thị T, dài 8,6m; tây giáp đất Hùng Thị L đã chuyển nhượng cho ông Hà Minh H, dài 8,6m; nam giáp lối đi, dài 0,6m; bắc giáp đất ông Hồ Viết T, bà

Nguyễn Thị Kim T, dài 0,6m. tọa lạc KP.L, P.X, TX.S, Phú Yên. Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục sử dụng diện tích 76m<sup>2</sup> đất gắn với ngôi nhà bà T đang ở ( Sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 20 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 07 tháng 8 năm 2017 người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

- Người đại diện ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho TAND Thị xã S giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự thừa nhận diện tích đất 6.517m<sup>2</sup> thuộc các thửa 96, 97, 98, 103, 105, 106, 107, 108, 111, 112, 120, 121, 122 tờ bản đồ 24 ĐC II có vị trí: Đông giáp biển, Tây giáp đường P, Nam giáp đất N, Bắc giáp đất Đào T, tọa lạc tại khu phố L, phường X, TX S, Phú Yên là tài sản của cụ cố Nguyễn Văn Đ và Trần Thị L tạo lập. Cụ Đ và cụ L có ba người con là Nguyễn Đ, N và Nguyễn T. Bị đơn ông Nguyễn K thuộc phái nhất ( Nguyễn Đ ), nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thuộc phái ba ( Nguyễn T ). Cụ Đ, cụ L đều chết trước 1975, có lập di chúc. Nội dung di chúc giao cho cháu nội đích tôn Nguyễn H diện tích 6.517m<sup>2</sup> đất nêu trên để sử dụng vào việc thờ cúng ông bà (hương hỏa). Khi Nguyễn H chết, con trai là Nguyễn T quản lý, Nguyễn T chết thì ông Nguyễn K ( Con trai trưởng của Nguyễn T ) tiếp tục quản lý và thờ cúng ông bà tuy nhiên theo nguyên đơn bà T thì ông K đã không làm tròn trách nhiệm của người đại diện quản lý tài sản của họ Nguyễn, đã có hành vi tự ý kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không có trách nhiệm trong việc quản lý đất, để cho một số người trong họ sử dụng đất không thông qua ý kiến của tộc họ Nguyễn do đó bà có tranh chấp đối với diện tích đất 5.509,5m<sup>2</sup> trong số 6.517m<sup>2</sup> đất là di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L. Như vậy đối với việc tranh chấp của bà T theo Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 và pháp lệnh thừa kế 1990 thì thời hiệu chia thừa kế vẫn còn tuy nhiên Tòa cấp sơ thẩm căn cứ Điều 645 BLDS 2005 để xác định thời hiệu chia thừa kế 10 năm của đương sự đã hết và chuyển sang quan hệ tranh chấp chia tài sản chung là không đúng pháp luật.

Về yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với diện tích đất 5.509,5m<sup>2</sup> Tòa cấp sơ cấp không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T tuy nhiên lại không xác định diện tích đất 5.509,5m<sup>2</sup> có thuộc quyền sử dụng của bị đơn hay không là thiếu sót, bên cạnh đó bà T còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã S đã cấp cho các ông, bà: Hồ Viết T, Hùng Thị L, Nguyễn Thị B. Nhưng diện tích đất của các ông, bà Hồ Viết T, Hùng Thị L, Nguyễn Thị B được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp có nguồn gốc của ông Trần Quang T, bà Lưu Thị Liễu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 15.7.2002 cho vợ chồng ông Trần Quang T. Trong quá trình cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết không đưa ông Trần Quang T bà Lưu Thị Liễu vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K về việc buộc bà T trả lại diện tích đất 76m<sup>2</sup> mà bà T đang ở, cấp sơ thẩm bác yêu cầu ông K nhưng cũng không xác định công nhận 76m<sup>2</sup> này có thuộc quyền sử dụng của bà T hay không?

Đối với phần đất tranh chấp 5,16m<sup>2</sup> giữa bà T và bà Hùng Thị L, bà T có yêu cầu công nhận 5,16m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của bà tuy nhiên diện tích đất nằm trong 5.509,5m<sup>2</sup> đất đang tranh chấp giữa bà T và ông K nhưng cấp sơ thẩm không xem xét lại tạm giao cho bà T quản lý sử dụng là không có căn cứ.

Ngoài ra, theo chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập, gồm Nguyễn Thị S, Võ Thị C, Nguyễn Thị B, Hùng Thị L cũng như các ông, bà Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Kim T, Lê Đ, Nguyễn N, Nguyễn Văn L đã được Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu, nhưng khi quyết định không được Hội đồng xét xử quyết định đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị S, Võ Thị C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Kim T, Lê Đ, Nguyễn N, Nguyễn Văn L. Trong khi đó các ông Hà Minh H, Hồ Viết T không phải là yêu cầu độc lập, hay phản tố nhưng được Hội đồng xét xử công nhận là xâm phạm quyền lợi của ông H, ông Thừa.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy việc xét xử Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về nội dung và thủ tục tố tụng mà Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, để giải quyết vụ án được toàn diện, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên trong vụ án, Hội đồng xét xử cần hủy án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Do bản án bị hủy nên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn, bị đơn số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các chi phí tố tụng khác: Được cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;



Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/DSST ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên về việc “ *Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp quyền sử dụng đất* ”, giữa nguyên đơn các bà: Nguyễn Thị T, Hùng Thị L với bị đơn ông Nguyễn K, bà Hùng Thị L.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã S giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí DSPT. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn K mỗi người: 300.000đ ( *Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp ở biên lai thu tiền số 6223 ngày 28.7.2017 và 6251 ngày 03.9.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên(2);
- TAND TX S.C(2);
- CC THADS TX SC.
- P.GĐKT;
- VP-TNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Thị Thái Lan**